

- Hội đồng thanh lý gồm:

- Ông Đỗ Phú Lương

Giám đốc

Chủ tịch hội đồng

- Ông Nguyễn Đình Hoan

Phó Giám đốc

P.Chủ tịch hội đồng

- Ông Nguyễn Văn Thắng

NV khoa dược

Thư ký

Các thành viên hội đồng thanh lý theo quyết định số: 839 /QĐ-TTYYT ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung Tâm Y Tế Bảo Lâm Có mặt đủ. Vắng 0

Đã tiến hành họp xét số lượng thuốc, hóa chất, vật tư y tế theo danh mục khoa dược tổng hợp đề xuất thanh lý

Tại hội trường TTYYT Bảo Lâm Từ 14 giờ 00 phút ngày 22 / 02 /2022 đến 15 giờ 00 phút ngày 22 / 02 /2022.

Kết quả như sau:

Hội đồng thanh lý rà soát lại toàn bộ thuốc theo biên bản xác nhận hàng vỡ của các đơn vị gửi lên, Danh mục thuốc xin thanh lý, kiểm tra cụ thể thực tế số lượng thuốc, hóa chất, vật tư y tế đúng với danh mục

Số lượng ghi trong biên bản xác nhận hàng vỡ, hết hạn của các đơn vị hội đồng thống nhất cho thanh lý

Phương pháp xử lý thuốc: Hủy thuốc; thuốc ống chai, lọ lấy dung dịch trong ống, chai, lọ đổ vào đường ống nước thải, thuốc viên, gói bẻ viên thuốc ngâm vào nước tan hết đổ vào đường ống nước thải, vỏ ống,chai, lọ, thuốc, vỉ thuốc bàn giao cho hộ lý xử lý theo qui định rác thải

Tổng số kg: 8 kg

Danh mục thuốc, hóa chất, vật tư y tế thanh lý:cụ thể như sau.

STT	Tên thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao	ĐVT	Số kiểm soát	Nước sản xuất	Hạn dùng	S.Lượng			Tổng số lượng	Ghi chú
						Đơn giá	Số lượng	T Tiền		
I	CT BHYT+ THU PHÍ									
1	Aspiril 81 mg	Viên		Việt Nam	31/1/2021	109.20	3	327.60	✓	Kho dược chính
2	Cefuroxim 750 mg	Lọ	6102019	Việt Nam	1/2/2021	7,315.35	5	36,576.75	✓	
3	Naloxonne- hanel 0.4 mg	Ông	835060	Đức	31/8/2021	43,995.00	10	439,950.00	✓	
4	Adrenaline 1mg/1ml	Ông	191018	Vinhphaco	04/2021	2,199.76	10	21,997.60	15	Trạm y tế Lộc Quảng
5	Adrenaline 1mg/1ml	Ông	191018	Vinhphaco	04/2021	2,199.76	5	10,998.80		Trạm y tế Lộc Tân
6	Magnesi sulfat kabi 15%	Ông	86MCA005	Việt Nam	17/3/2021	2,489.56	10	24,895.60		PKDK Lộc Thành
7	Magnesi sulfat kabi 15%	Ông	86MCA005	Việt Nam	17/3/2021	2,489.56	3	7,468.68		Trạm y tế Lộc Thắng

8	Magnesi sulfat kabi 15%	Ông	86MCA005	Việt Nam	17/3/2021	2,489.56	3	7,468.68	25	Trạm y tế Lộc Tân
9	Magnesi sulfat kabi 15%	Ông	86MCA005	Việt Nam	17/3/2021	2,550.00	4	10,200.00		Trạm y tế Lộc Phú
10	Magnesi sulfat kabi 15%	Ông	86MLA032	Việt Nam	6/11/2021	2,549.41	5	12,747.05		Trạm y tế Lộc Đức
11	Dimedrol 10 mg	Ông	181217	Việt Nam	12/2020,	649.95	10	6,499.50		Trạm y tế Lộc Đức
12	Vitamin PP 500 mg	viên		Việt Nam	27/12/2021	199.50	266	53,067.00		
13	Biviantac	Viên		Việt Nam	28/11/2021	1,499.40	80	119,952.00		
14	Biviantac	Viên		Việt Nam	02/08/2021	1,499.40	6	8,996.40	86	
15	Daehanpama Inj 500mg	Ông		Hàn Quốc	01/06/2021	44,982.00	13	584,766.00		
16	Dovocin 750 mg	Viên		Việt Nam	21/05/2021	7,399.35	46	340,370.10		
17	Erythromycin 500mg	Viên		Việt Nam	16/10/2021	1,319.85	87	114,826.95		
18	Eurovir 200mg	Viên		Romania	22/07/2021	3,000.00	359	1,076,998.92		
19	Lordin 40mg	Lọ		Greece	27/09/2021	36,225.00	62	2,245,950.00		
20	Magnesi sulfat Kabi 15%	ống 10ml		Việt Nam	06/11/2021	2,730.00	17	46,410.00		
21	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection 0.4mg / ml	Ông		GERMANY	31/08/2021	43,995.00	13	571,935.00		
22	Paracetamol Kabi 1000 1g/100ml	Chai thủy tinh		Việt Nam	07/12/2021	21,000.00	9	189,000.00		
23	Theostat L.P. 100mg 100mg	viên		Pháp	31/10/2021	1,635.97	1	1,635.97		
24	Tozinax 70mg	viên		Việt Nam	28/12/2021	273.00	181	49,413.00		
25	Tozinax syrup 10mg/5ml	Chai-100ml		Việt Nam	26/12/2021	25,998.00	7	181,986.00		
26	KIDNEY bắt vị bổ thận dương	Viên		Việt Nam		945.00	6	5,670.00		
27	Atropin sulfat 0.25%	Ông	081018	Việt Nam	20/10/2021	579.60	15	8,694.00	28	
28	Atropin sulfat 0.25%	Ông	081018	Việt Nam	20/10/2021	599.55	13	7,794.15		
29	Daehanpama 500 mg	Lọ	18001	Hàn Quốc	11/6/2021	44,982.00	3	134,946.00		
30	Eurovir 200 mg	Viên	39	Romania	12/7/2021	3,000.00	181	543,000.00		
31	Lordin 40 mg	Lọ	03	Việt Nam	9/2021.	36,225.00	1	36,225.00		
32	Naloxone 0.4mg/ml	ống	835072	Đức	Aug-21	43,995.00	4	175,980.00		

Kho nội trú

Kho Ngoại trú

33	Pipolphen 50mg/2ml	ống	t116a1116	Hungary	8/11/2021	13,500.00	3	40,500.00		
34	Cỏ sứa lá nhỏ	Gam		Việt Nam		680.00	39	26,520.00		Hồng (kho YHCT)
35	Hy thiêm	Gam		Việt Nam		103.00	18	1,854.00		Hồng (kho YHCT)
36	Hy thiêm	Gam		Việt Nam		87.00	3	261.00	28	Hồng (kho YHCT)
37	Hy thiêm	Gam		Việt Nam		139.00	7	973.00		Hồng (kho YHCT)
38	Hành nhân	Gam		Việt Nam	31/5/2021	21,103.00	20	422,060.00		Hết date(kho YHCT)
39	Lá khô	Gam		Việt Nam		430.00	8	3,440.00		Hồng (kho YHCT)
40	Long đóm thảo	Gam		Việt Nam		377.00	610	229,970.00		Hồng (kho YHCT)
41	Nhũ Hương	Gam		Việt Nam		717.00	2	1,434.00		Hồng (kho YHCT)
42	Ma hoàng	Gam		Việt Nam		361.00	2	722.00		Hồng (kho YHCT)
43	Cát căn	Gam		Việt Nam		110.00	280	30,800.00		Hồng (kho YHCT)
44	Thỏ ty tử	Gam		Việt Nam	31/5/2021	1,178.00	10	11,780.00		Hết date(kho YHCT)
45	Ý dĩ	Gam		Việt Nam		135.00	8	1,080.00		Hồng (kho YHCT)
46	Ý dĩ	Gam		Việt Nam		131.00	2	262.00	42	Hồng (kho YHCT)
47	Ý dĩ	Gam		Việt Nam		107.00	32	3,424.00		Hồng (kho YHCT)
48	Chỉ tư	Lọ	20150908	Việt Nam	18/8/2021	52,999.80	2	105,999.60		
49	Ông nội khí quản 3.5	Cái		Malaysia	31/9/2020	17,999.00	1	17,999.00		
50	Kim cánh bướm	Cái	307	Việt Nam	3/7/2020	1,599.15	14	22,388.10	15	
51	Kim cánh bướm	Cái	307	Việt Nam	4/7/2020	1,599.16	1	1,599.16		
52	Lưỡi dao mổ	Cái	B1702	Việt Nam	30/9/2020	949.20	275	261,030.00		
53	Than hoạt	Gam	32019	Việt Nam	30/3/2021	75.00	1,000	75,000.00		
54	Dây hút dịch phẫu thuật	Cái	NM 18B	Việt Nam	31/5/2021	8,295.00	6	49,770.00		
55	Băng gác vaseline	Miếng		Việt Nam	18/3/2021	1,399.65	71	99,375.15		Kho ngoài trú
56	Dây hút nhót số 12	Cái		Việt Nam	8/12/2021	3,499.65	3	10,498.95		Nội trú
57	Nội khí quản số 3-7.5	Cái		Trung quốc	5/12/2021	17,999.10	5	89,995.50		Nội trú

58	Nội khí quản số .6	Cái		Nhật Bản	8/12/2021	15,500.00	1	15,500.00	NỘI TRƯ
	Tổng: 58 mặt hàng					8,600,982.22			
II	CT SỐT RẾT								
1	Primaquin 13.2 mg	Viên	20419	Danaphar-VN	04/2021	525.00	30	15,750	
2	Primaquin 13.2 mg	Viên	10818	Việt Nam	01/09/2021	525.00	30	15,750	60
3	Arterakin	Viên	17001	Pharbaco	01/2021	3,183.40	12	38,201	207
4	Arterakin	Viên	17001	Việt Nam	03/2021	3,209.00	24	77,016	
5	Arterakin	Viên	17001	Việt Nam	07/3/2021	3,491.00	12	41,892	
6	Arterakin	Viên	17001	Việt Nam	07/3/2021	3,491.00	13	45,383	
7	Arterakin	Viên	17001	Việt Nam	07/3/2021	3,150.00	8	25,200	PKĐK Lộc Thành
8	Arterakin	Viên	080317	Việt Nam	3/2021	3,177.00	138	438,426	
	Tổng: 08 mặt hàng							697,618	
III	CT TIÊM CHỦNG								
1	SII	Liều	2859X036E	Ấn Độ	1/7/2021	31,960.00	7	223,720	Trạm y tế Lộc Tân
2	Viêm não nhật bản	Liều	jm020319e	Việt Nam	1/2/2021	10,645.00	10	106,450	
3	Combifive	Liều	220111218B	Việt Nam	30/4/2021	31,806.00	11	349,866	Trạm y tế Lộc Thắng
4	Vaxxin DTC	LQ	360-20-19	Việt Nam	8/2021.	48,418.90	13	629,446	
5	Vaxxin DTC	LQ	360-20-19	Việt Nam	10/2021.	48,418.90	30	1,452,567	Kho CTYT
6	Viêm gan B	LQ	GB-060618E	Việt Nam	5/2021.	8,365.00	2	16,730	
7	Vaxxin DPTGB-HIB(SII)	LQ	2859X036E	ÁN ĐỘ	7/2021.	31,961.70	153	4,890,140	
	Tổng: 07 mặt hàng							7,668,919	
IV	CT PHÒNG CHỐNG DỊCH								
1	Tamiflu 75 mg	Viên	F0148b09	Pháp	10/2020.	49,097.00	20	981,940	
	Tổng: 01 mặt hàng							981,940	
V	CT BẢO LƯU								

I	Metronidazol 250 mg	Viên	3090918	Việt Nam	9/2021.		2,000 A/B	-		
	Tổng: 01 mặt hàng							-		
VI	CT SỐT XUẤT HUYẾT									
I	Găng không bột	hộp 50 đôi	30118101	Việt Nam	11/2021.	105,000.00	1	105,000		
	Tổng: 01 mặt hàng							105,000		
	Tổng: I+II+III+IV+V+VI									
								18,054,459		

Bằng chữ: (Mười tám triệu, không trăm năm tư ngàn, bốn trăm chín mươi lăm đồng)

Thành viên

Nguyễn Bá Khánh:.....
 Nguyễn Thị Hồng chiến:.....
 Nguyễn Thị Minh Hiền:.....
 Mai Thị Kim Liên:.....
 Phạm Thị Tiến:.....
 Hoàng Thị Kim Cúc:.....

Thư ký

Nguyễn Văn Thắng

P. Chủ tịch hội đồng

Nguyễn Đình Hoan

Chủ tịch Hội Đồng

Bảo Lâm, ngày 22 tháng 01 năm 2020

(Signature)